

Số: 16/2022/QĐST-DS

C, ngày 01 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 điều 24; khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2022, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1960

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Ngọc H, Sinh năm: 1965

Trú tại: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị X, ông Lê Ngọc H thống nhất vợ chồng bà X còn nợ ông T số tiền gốc là 55.500.000đ, theo giấy vay nợ ngày 22/6/2020. Tiền lãi tính đến ngày 23/6/2022 là 5.500.000đ. Tổng số tiền vợ chồng bà X và ông H phải trả cho ông T là 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu

đồng). Thời hạn trả nợ chậm nhất là ngày 30/12/2022 (Dương lịch).

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn trả nợ, nếu bà X, ông H không tự nguyện thi hành, ông T phải làm đơn yêu cầu thi hành án. Bà X, ông H còn phải chịu lãi suất với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**Về án phí:** Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà X, ông H như sau: ông T, bà X mỗi người phải chịu 50% án phí. Ông T phải chịu 762.500đ (Bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng). Ông T có đơn xin miễn tiền án phí do là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ, điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí DSST cho ông Nguyễn Ngọc T. Bà Nguyễn Thị X phải nộp 762.500đ (Bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) án phí DSST.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Vũ Thị Dung**